

# THỰC TRẠNG TỰ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

Nguyễn Thị Hằng

Trường Đại học Tân Trào.

## TÓM TẮT

Bài viết đi sâu phân tích thực trạng tự đánh giá năng lực học tập của học sinh trung học cơ sở (THCS) 2 tỉnh phía Bắc là Tuyên Quang, Phú Thọ theo 2 tiêu chí: mức độ tự đánh giá và tính phù hợp của tự đánh giá. Kết quả cho thấy, học sinh THCS ở Tuyên Quang và Phú Thọ tự đánh giá năng lực học tập của bản thân ở mức độ trung bình (ĐTB = 3,45/5), tự đánh giá năng lực học tập ở các em chưa thực sự phù hợp với khả năng của bản thân. Gia đình và nhà trường cần có những tác động để giúp các em tự đánh giá năng lực học tập của mình một cách phù hợp.

**Từ khóa:** Tự đánh giá; Năng lực học tập; Học sinh THCS; Tự đánh giá năng lực học tập của học sinh THCS.

Ngày nhận bài: 5/12/2018; Ngày duyệt đăng bài: 25/2/2019.

## 1. Đặt vấn đề

Hoạt động là phương thức tồn tại và quyết định sự hình thành, phát triển nhân cách con người. Để đảm bảo hoạt động có kết quả, bên cạnh những năng lực cần thiết cho hoạt động thì cá nhân còn phải biết tự đánh giá về mình, tự đánh giá những năng lực của mình. Khi nhận thức và đánh giá được mình, con người sẽ có những kế hoạch cho hoạt động và lựa chọn được cách thức thực hiện hoạt động một cách hiệu quả nhất.

Tuổi thiếu niên là giai đoạn được đánh dấu bởi nhiều đặc trưng tâm lý quan trọng, trong đó tự ý thức, tự đánh giá là một trong những nét nổi bật của nhân cách. Trong các nội dung tự đánh giá ở giai đoạn này thì tự đánh giá năng lực học tập là một nội dung rất quan trọng, được xem là cơ sở giúp các em định hướng, điều chỉnh hoạt động học tập một cách có hiệu quả. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, nhiều học sinh lứa tuổi này vẫn chưa tự đánh giá bản thân cũng như tự đánh giá năng lực học tập của mình một cách phù hợp: các em có thể tự đánh giá quá thấp hoặc quá cao năng lực học tập của mình. Điều này làm ảnh

hướng không nhỏ đến định hướng học tập, phương pháp học cũng như kết quả học tập của các em.

Tuyên Quang và Phú Thọ là 2 tỉnh nằm ở khu vực phía Bắc nước ta. Với địa hình chủ yếu là đồi núi, đây là nơi sinh sống của nhiều dân tộc khác nhau, trong đó có khá nhiều dân tộc ít người. Thực tế cho thấy, trong quá trình học tập, nhiều học sinh chưa đánh giá đúng về bản thân và người khác... Điều này làm cho các em gặp khó khăn trong học tập, giao tiếp với bạn bè, thầy cô. Do đó, việc giúp các em tự đánh giá, đặc biệt là tự đánh giá năng lực học tập một cách phù hợp có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động học tập và giúp các em thích ứng tốt hơn trong các mối quan hệ xã hội.

Có nhiều cách hiểu khác nhau về năng lực. Theo Từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê (chủ biên) thì “năng lực có thể được hiểu theo hai nghĩa: (1) Chỉ một khả năng, điều kiện tự nhiên có sẵn để thực hiện một hoạt động nào đó; (2) Là một phẩm chất tâm sinh lý tạo cho con người có khả năng để hoàn thành một hoạt động nào đó có chất lượng cao” (Hoàng Phê, 1992). Như vậy, chúng ta có thể hiểu năng lực là một cái gì đó vừa tồn tại ở dạng tiềm năng vừa là một khả năng được bộc lộ thông qua quá trình giải quyết những tình huống có thực trong cuộc sống. Theo quan niệm của Chương trình giáo dục phổ thông của Quebec (Canada) thì “Năng lực là sự kết hợp một cách linh hoạt và có tổ chức kiến thức, kỹ năng với thái độ, tình cảm, giá trị, động cơ cá nhân... nhằm đáp ứng hiệu quả một yêu cầu phức hợp của hoạt động trong bối cảnh nhất định” (dẫn theo Đào Lan Hương, 2000). Năng lực là các khả năng và kỹ năng nhận thức vốn có ở cá nhân hay có thể học được... để giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. Năng lực cũng hàm chứa trong nó tính sẵn sàng hành động, động cơ, ý chí và trách nhiệm xã hội để có thể sử dụng một cách thành công và có trách nhiệm các giải pháp... trong những tình huống thay đổi (Weinert F.E., 2001).

Trong nghiên cứu này, chúng tôi quan niệm khái niệm năng lực như sau: *năng lực là khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ để giải quyết một tình huống có thực trong cuộc sống.*

#### *Năng lực học tập*

Theo tác giả Mai Văn Hưng, năng lực học tập là khả năng vận dụng, chuyển biến các thành phần kiến thức, kỹ năng, thái độ và các yếu tố cá nhân khác theo một cơ chế nào đó để thực hiện đạt chuẩn những nhiệm vụ học tập thiết yếu của một môn học (dẫn theo Đào Lan Hương, 2000).

Như vậy có thể hiểu, *năng lực học tập là khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng cần thiết của người học vào việc giải quyết một nhiệm vụ học tập cụ thể.*

Tác giả Trịnh Lê Hồng Phương (2014) đã chỉ ra 3 nhóm năng lực học tập cơ bản đối với học sinh như sau:

\* Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân, gồm năng lực tự học; năng lực tư duy và năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

\* Nhóm năng lực về quan hệ xã hội, gồm: năng lực giao tiếp và năng lực hợp tác

\* Nhóm năng lực công cụ, gồm: năng lực sử dụng ngôn ngữ và năng lực thực hành.

Ở bất cứ môn học nào, các nhóm năng lực này cũng rất cần thiết, đặc biệt là với những môn học như Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ.

Nghiên cứu này quan tâm tới mức độ tự đánh giá biểu hiện của các nhóm năng lực này trong từng môn học ở từng học sinh cũng như tính phù hợp trong tự đánh giá những mặt biểu hiện này ở các em.

## 2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Khách thể nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu gồm 240 học sinh lớp 6 và lớp 9 ở 2 tỉnh Tuyên Quang và Phú Thọ, phân bố của khách thể theo các tiêu chí khác nhau được thể hiện qua bảng sau:

*Bảng 1: Đặc điểm của khách thể nghiên cứu*

Tiêu chí		Số lượng	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	124	51,7
	Nữ	116	48,3
Học lực	Giỏi	51	21,3
	Khá	101	42,1
	Trung bình	85	35,4
	Yếu	3	1,2
Khối lớp	Lớp 6	123	51,3
	Lớp 9	117	48,7
Tỉnh	Tuyên Quang	124	51,7
	Phú Thọ	116	48,3

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và xử lý số liệu bằng phần mềm thống kê toán học SPSS.

Với phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, nghiên cứu tham khảo bằng hai thang đo Tự đánh giá và Tự đánh giá năng lực, cụ thể là: thang đo Tự đánh giá năng lực ở trẻ em "Perceived competence scale for children" của Susan Harter (1982) đo lường trên học sinh phổ thông đã được tác giả Đỗ Ngọc Khanh (2005) sử dụng trong nghiên cứu về tự đánh giá của học sinh THCS ở Hà Nội (chỉ sử dụng tiểu thang đo Tự đánh giá về học tập) và thang đo Tự đánh giá năng lực ở thiếu niên "A brief questionnaire for measuring self-efficacy in youths" của Muris (2001) được thiết kế để đo khả năng tự đánh giá năng lực ở đối tượng học sinh, sinh viên. Từ sự tham khảo các thang đo này, kết hợp với cách phân chia các nhóm năng lực học tập của học sinh phổ thông của tác giả Trịnh Lê Hồng Phương (2014), chúng tôi xây dựng thang đo Tự đánh giá năng lực học tập của học sinh THCS, trong đó có lựa chọn, bỏ bớt và thêm vào một số mệnh đề (item) phù hợp với đặc điểm của học sinh THCS.

Thang đo Tự đánh giá năng lực học tập dành cho học sinh gồm 30 mệnh đề (item) thuộc 3 nhóm năng lực học tập của học sinh trung học cơ sở là:

\* *Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân*: gồm 12 item đề cập đến năng lực tự học, năng lực tư duy và năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn ở học sinh như: "Ngồi vào bàn học là miệt mài cho đến khi nào làm xong bài mới thôi"; "Em biết cách tự xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân"; "Em thường cố gắng tìm ra những cách giải mới cho các bài tập"; "Em thường hoàn thành các nhiệm vụ học tập đúng thời hạn với chất lượng cao";...

\* *Nhóm năng lực về quan hệ xã hội*: gồm 8 item đề cập đến năng lực giao tiếp và năng lực hợp tác ở học sinh như: "Em luôn giải thích để các bạn hiểu ý tưởng của mình trong học tập nhóm"; "Em có thể hợp tác với các bạn hiệu quả khi học tập nhóm"; "Khi có mâu thuẫn ý kiến về các nội dung học tập, em thường làm chủ được cảm xúc của mình"...

\* *Nhóm năng lực công cụ*: gồm 10 item đề cập đến năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực thực hành ở học sinh như: "Em có thể thực hành các nội dung đã được học"; "Em có thể hiểu các thuật ngữ của môn học"; "Em biết cách diễn đạt ý của mình để cô giáo và các bạn hiểu"...

Học sinh tham gia nghiên cứu sẽ được phát phiếu đã được in sẵn các item tương ứng với 3 cột ở 3 môn học: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ. Học sinh sẽ lựa chọn 1 trong 5 phương án trả lời: 1. Hoàn toàn đúng, 2. Hầu như đúng, 3. Nửa đúng nửa sai, 4. Hầu như sai và 5. Hoàn toàn sai sao cho phù hợp nhất với từng môn học.

Thang đo dành cho giáo viên bao gồm những mệnh đề giống với thang đo dành cho học sinh. Giáo viên tham gia đánh giá là những người trực tiếp giảng dạy các em ở 3 môn: Toán, Ngữ văn và Ngoại ngữ. Theo đó, các mệnh đề tự

đánh giá của trẻ sẽ được đánh giá bởi giáo viên. Giáo viên sẽ lựa chọn 1 trong 5 phương án trả lời: 1. Hoàn toàn đúng, 2. Hầu như đúng, 3. Nửa đúng nửa sai, 4. Hầu như sai và 5. Hoàn toàn sai sao cho phù hợp nhất với từng học sinh.

Về phương pháp xử lý số liệu thu được từ khảo sát thực tiễn, nghiên cứu sử dụng phần mềm thống kê toán học SPSS phiên bản 20.0. Ngoài các phép thống kê mô tả, nghiên cứu còn sử dụng một số phép thống kê để kiểm định độ tin cậy của các thang đo, hệ số tương quan giữa tự đánh giá năng lực học tập với các yếu tố giới tính, học lực của học sinh THCS.

Phân tích độ tin cậy của thang đo Tự đánh giá năng lực học tập của học sinh THCS thu được kết quả như sau:

**Bảng 2:** Độ tin cậy của thang đo Tự đánh giá năng lực học tập

Các tiểu thang đo	Hệ số $\alpha$
Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân	0,87
Nhóm năng lực công cụ	0,82
Nhóm năng lực về quan hệ xã hội	0,92

Tự đánh giá của học sinh về mỗi nhóm năng lực học tập ở từng môn học được xác định trên cơ sở điểm trung bình của tất cả các biểu hiện của năng lực đó ở từng môn học tương ứng.

Tự đánh giá của học sinh về mỗi nhóm năng lực học tập nói chung được xác định trên cơ sở điểm trung bình của tất cả các biểu hiện của nhóm năng lực đó ở cả 3 môn được nghiên cứu.

Tự đánh giá của học sinh về năng lực học tập nói chung được xác định trên cơ sở điểm trung bình của 3 nhóm năng lực thành phần.

Dựa trên ĐTB và ĐLC, tự đánh giá năng lực học tập của học sinh THCS được chia thành 3 mức độ như sau: Tự đánh giá năng lực học tập ở mức độ thấp:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 2,79$ ; Tự đánh giá năng lực học tập ở mức độ trung bình:  $2,80 \leq \text{ĐTB} \leq 4,11$ ; Tự đánh giá năng lực học tập ở mức độ cao:  $4,12 \leq \text{ĐTB} \leq 5$ .

Để xác định sự phù hợp trong tự đánh giá năng lực học tập của học sinh, chúng tôi sử dụng đánh giá của giáo viên. Giáo viên là người có trình độ và được đào tạo nghiệp vụ sư phạm nên nắm được các tiêu chuẩn đánh giá ở trường học nói chung. Họ lại thường xuyên làm nhiệm vụ đánh giá học sinh nên có nhiều kinh nghiệm và kỹ năng. Mặt khác, thời gian tiếp xúc với học sinh nhiều, giáo viên có thể hiểu được năng lực học tập của từng em, ngoài ra,

họ còn có hiểu biết về đặc điểm tâm lý học sinh. Vì vậy, chúng tôi lấy đánh giá của giáo viên làm căn cứ để xác định tính phù hợp trong tự đánh giá năng lực học tập ở các em.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Mức độ tự đánh giá năng lực học tập của học sinh THCS

##### 3.1.1. Đánh giá chung

**Bảng 3: Mức độ tự đánh giá năng lực học tập của học sinh THCS**

Các nhóm năng lực		ĐTB	ĐLC
Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân	1. Năng lực làm chủ và phát triển bản thân môn Toán	3,47	0,72
	2. Năng lực làm chủ và phát triển bản thân môn Ngữ văn	3,46	0,73
	3. Năng lực làm chủ và phát triển bản thân môn Ngoại ngữ	3,39	0,79
	<b>Nhóm năng lực làm chủ bản thân của học sinh nói chung</b>	<b>3,44</b>	<b>0,66</b>
Nhóm năng lực về quan hệ xã hội	1. Năng lực về quan hệ xã hội môn Toán	3,39	0,82
	2. Năng lực về quan hệ xã hội môn Ngữ văn	3,44	0,80
	3. Năng lực về quan hệ xã hội môn Ngoại ngữ	3,40	0,81
	<b>Nhóm năng lực về quan hệ xã hội chung</b>	<b>3,39</b>	<b>0,75</b>
Nhóm năng lực công cụ	1. Năng lực công cụ môn Toán	3,53	0,85
	2. Năng lực công cụ môn Ngữ văn	3,55	0,81
	3. Năng lực công cụ môn Ngoại ngữ	3,47	0,89
	<b>Nhóm năng lực công cụ nói chung</b>	<b>3,49</b>	<b>0,80</b>
<b>ĐTB chung</b>		<b>3,45</b>	<b>0,66</b>

Kết quả ở bảng 2 cho thấy, học sinh THCS tại các địa bàn nghiên cứu tự đánh giá năng lực học tập của bản thân ở mức trung bình (ĐTB = 3,45; ĐLC = 0,66), trong đó nhóm năng lực được các em đánh giá ở mức độ cao nhất là nhóm năng lực công cụ với ĐTB = 3,49; ĐLC = 0,80, tiếp đó là nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân của học sinh với ĐTB = 3,44; ĐLC = 0,66; nhóm năng lực được các em đánh giá ở mức độ cao nhất là nhóm năng lực về quan hệ xã hội với ĐTB = 3,39; ĐLC = 0,75. Như vậy, có thể thấy, nhóm năng lực công cụ được học sinh đánh giá ở mức độ cao hơn cả. Nhóm này bao gồm các yếu tố cơ bản như: luôn nhiệt tình phát biểu ý kiến trong giờ học; thường ghi chép bài học đầy đủ, rõ ràng; luôn tự giác trong học tập; thường tập trung chú ý

nghe giảng khi ở trên lớp; luôn cố gắng học thật nhiều để giỏi hơn nữa; tự tin vào khả năng học tập của bản thân; thường tìm kiếm những cuốn sách hay để làm giàu kiến thức cho mình... Đây là những yếu tố rất cần thiết trong hoạt động học tập của các em.

Xét trong từng nhóm năng lực có thể thấy rằng, học sinh tự đánh giá năng lực học tập môn Ngữ văn ở mức độ cao nhất, tiếp đó là môn Toán, môn học được học sinh đánh giá có ĐTB thấp nhất là Ngoại ngữ. Tìm hiểu về điều này, chúng tôi nhận thấy: môn Ngữ văn là môn được học sinh tự đánh giá ở mức độ cao nhất bởi vì nội dung đề cập đến những vấn đề xã hội, gần với các em và nếu xét về độ “khó” thì không thể khó bằng Toán hay Ngoại ngữ.

### 3.1.2. Tự đánh giá năng lực học tập của học sinh THCS theo từng nhóm năng lực

a. Tự đánh giá về năng lực làm chủ và phát triển bản thân của học sinh THCS

Có thể thấy rằng, học sinh THCS ở Tuyên Quang và Phú Thọ tự đánh giá năng lực làm chủ và phát triển bản thân ở mức độ trung bình (ĐTB = 3,44; DLC = 0,66), trong đó một số biểu hiện được các em cho điểm rất cao là: Em luôn đặt ra mục đích học tập vào đầu các năm học (ĐTB = 3,97; DLC = 0,99); Em thường cố gắng vượt qua những khó khăn, trở ngại để hoàn thành các nhiệm vụ học tập (ĐTB = 3,88; DLC = 0,91); Em luôn làm hết các bài tập về nhà (ĐTB = 3,78; DLC = 1,12). Bên cạnh đó, các em biết cách vượt qua những áp lực trong các kỳ thi (ĐTB = 3,66; DLC = 1,06), biết cách tự xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân (ĐTB = 3,64; DLC = 0,98)... Điều này cho thấy các em đều có ý thức trong học tập, luôn biết chủ động trong hoạt động học tập.

**Bảng 4: Tự đánh giá về năng lực làm chủ và phát triển bản thân của học sinh THCS tại địa bàn nghiên cứu**

STT	Các biểu hiện	ĐTB	DLC
1	Em ngồi vào bàn học là miệt mài cho đến khi nào làm xong bài mới thôi.	3,58	1,10
2	Em biết cách tự xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với bản thân.	3,64	0,98
3	Em thường cố gắng vượt qua những khó khăn, trở ngại để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.	3,88	0,91
4	Em luôn làm hết các bài tập về nhà.	3,78	1,12

5	Em có thể nhớ lâu những gì em đã học.	3,35	1,07
6	Em tiếp thu nhanh những gì được học.	3,62	1,04
7	Em có khả năng làm được các bài tập khó.	3,05	1,05
8	Em luôn đặt ra mục đích học tập vào đầu các năm học.	3,97	0,99
9	Em thường cố gắng tìm ra những cách giải mới cho các bài tập.	3,32	1,16
10	Em thường hoàn thành các nhiệm vụ học tập đúng thời hạn với chất lượng cao.	3,47	1,02
11	Em biết cách vượt qua những áp lực trong các kỳ thi.	3,66	1,06
12	Tự mình giải quyết các nhiệm vụ học tập, không chép bài, quay cốp trong giờ kiểm tra.	3,53	1,11
	<b>Chung</b>	<b>3,44</b>	<b>0,66</b>

b. Tự đánh giá về nhóm năng lực công cụ của học sinh THCS

*Bảng 5: Tự đánh giá về năng lực công cụ của học sinh THCS tại địa bàn nghiên cứu*

STT	Các biểu hiện	ĐTB	ĐLC
1	Em tự tin vào khả năng học tập của bản thân.	3,45	1,11
2	Em luôn nhiệt tình phát biểu ý kiến trong giờ học.	3,63	1,07
3	Em thường ghi chép bài học đầy đủ, rõ ràng.	4,03	1,02
4	Em luôn cố gắng học thật nhiều để giỏi hơn nữa.	3,86	1,06
5	Em tin rằng thầy/cô giáo hài lòng về việc học tập của em.	3,22	1,06
6	Em thường tìm kiếm những cuốn sách hay để làm giàu kiến thức cho mình.	3,39	1,17
7	Em luôn tự giác trong học tập.	3,67	1,05
8	Em thường tập trung chú ý nghe giảng khi ở trên lớp.	3,84	1,05
9	Em có thể hiểu các thuật ngữ của môn học.	3,42	1,04
10	Em có thể thực hành các nội dung đã được học.	3,64	1,02
	<b>Chung</b>	<b>3,49</b>	<b>0,80</b>

Bảng số liệu 5 cho thấy, nhìn chung học sinh THCS ở Tuyên Quang và Phú Thọ tự đánh giá về nhóm năng lực công cụ của bản thân ở mức độ trung

binh (ĐTB = 3,49; ĐLC = 0,80). Trong những biểu hiện này, có một số biểu hiện được các em tự đánh giá với điểm trung bình cao hơn cả như: Em thường ghi chép bài học đầy đủ, rõ ràng (ĐTB = 4,03; ĐLC = 1,02), Em luôn cố gắng học thật nhiều để giỏi hơn nữa (ĐTB = 3,86; ĐLC = 1,06); Em thường tập trung chú ý nghe giảng khi ở trên lớp (ĐTB = 3,84; ĐLC = 1,05); Em luôn tự giác trong học tập (ĐTB = 3,67; ĐLC = 1,05). Ngoài ra, các em cũng cho rằng: Em có thể thực hành các nội dung đã được học (ĐTB = 3,64; ĐLC = 1,02); Em luôn nhiệt tình phát biểu ý kiến trong giờ học (ĐTB = 3,63; ĐLC = 1,07); Em có thể hiểu các thuật ngữ của môn học (ĐTB = 3,42; ĐLC = 1,04). Đây đều là những mệnh đề nói lên ý thức học tập của các em. Trong quá trình học tập, các em luôn cố gắng hết sức và khá tự giác. Kết quả này cùng đồng nhất với kết quả thu thập từ phương pháp quan sát của chúng tôi.

### c. Tự đánh giá về năng lực quan hệ xã hội của học sinh THCS

**Bảng 6: Tự đánh giá về năng lực quan hệ xã hội của học sinh THCS**

STT	Các biểu hiện	ĐTB	ĐLC
1	Em luôn giải thích để các bạn hiểu ý tưởng của mình trong học tập nhóm.	3,63	1,13
2	Em có thể hợp tác với các bạn hiệu quả khi học tập nhóm.	3,67	1,08
3	Mỗi khi học nhóm, em thường được tin nhiệm làm nhóm trưởng.	2,96	1,18
4	Em thường xuyên hướng dẫn bài cho bạn.	3,08	1,16
5	Em luôn muốn được thầy/cô giáo hỏi bài nhiều.	3,44	1,13
6	Em có khả năng bảo vệ ý kiến của mình khi tranh luận.	3,65	1,08
7	Khi có mâu thuẫn ý kiến về các nội dung học tập, em thường làm chủ được cảm xúc của mình.	3,42	1,29
8	Em luôn luôn hỏi thầy/cô, các bạn về những gì mình chưa hiểu.	3,75	1,13
	<b>Chung</b>	<b>3,39</b>	<b>0,75</b>

Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy, xét một cách chung nhất thì nhóm năng lực về quan hệ xã hội được học sinh THCS tự đánh giá ở mức độ trung bình (ĐTB = 3,39; ĐLC = 0,75). Những biểu hiện được các em đánh giá với điểm trung bình cao là: Luôn luôn hỏi thầy/cô, các bạn về những gì mình chưa hiểu (ĐTB = 3,75; ĐLC = 1,13); Em có thể hợp tác với các bạn hiệu quả khi học tập nhóm (ĐTB = 3,67; ĐLC = 1,08); Em có khả năng bảo vệ ý kiến của mình

khí tranh luận (ĐTB = 3,65; ĐLC = 1,08). Điều này phản ánh thực tế là các em khá tự tin về nhóm năng lực quan hệ xã hội trong học tập của bản thân.

Như vậy, học sinh THCS tại hai địa bàn nghiên cứu tự đánh giá năng lực học tập của bản thân ở mức độ trung bình. Nhóm năng lực được các em tự đánh giá ở mức độ cao nhất là nhóm năng lực công cụ, tiếp đó là nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân, thấp nhất là nhóm năng lực quan hệ xã hội.

### 3.2. Tính phù hợp trong tự đánh giá năng lực học tập của học sinh THCS

Nghiên cứu sử dụng đánh giá của giáo viên là căn cứ để xác định tính phù hợp trong tự đánh giá năng lực học tập của học sinh. Vì vậy, chúng tôi đã tiến hành so sánh điểm trung bình và độ lệch chuẩn giữa tự đánh giá của học sinh với đánh giá của giáo viên để đánh giá sự phù hợp trong tự đánh giá của các em.

**Bảng 7: Tính phù hợp trong tự đánh giá năng lực học tập của học sinh THCS**

TT	So sánh	ĐTB	ĐLC	P
1	Tự đánh giá của học sinh về năng lực học tập chung	3,45	0,66	< 0,001
	Đánh giá của giáo viên về năng lực học tập chung của học sinh	3,20	0,57	
2	Tự đánh giá của học sinh về năng lực làm chủ và phát triển bản thân môn Toán	3,47	0,72	< 0,001
	Đánh giá của giáo viên về năng lực làm chủ và phát triển bản thân môn Toán của học sinh	3,26	0,79	
3	Tự đánh giá của học sinh về năng lực làm chủ và phát triển bản thân môn Ngữ văn	3,46	0,73	< 0,001
	Đánh giá của giáo viên về năng lực làm chủ và phát triển bản thân môn Ngữ văn của học sinh	3,24	0,88	
4	Tự đánh giá của học sinh về năng lực làm chủ và phát triển bản thân môn Ngoại ngữ	3,39	0,8	< 0,001
	Đánh giá của giáo viên về năng lực làm chủ và phát triển bản thân môn Ngoại ngữ của học sinh	3,23	0,87	
5	Tự đánh giá của học sinh về năng lực quan hệ xã hội môn Toán	3,38	0,83	0,457
	Đánh giá của giáo viên về năng lực quan hệ xã hội môn Toán của học sinh	3,13	0,43	

6	Tự đánh giá của học sinh về năng lực quan hệ xã hội môn Ngữ văn	3,45	0,8	0,444
	Đánh giá của giáo viên về năng lực quan hệ xã hội môn Ngữ văn của học sinh	3,01	0,56	
7	Tự đánh giá của học sinh về năng lực quan hệ xã hội môn Ngoại ngữ	3,40	0,81	0,029
	Đánh giá của giáo viên về năng lực quan hệ xã hội môn Ngoại ngữ của học sinh	3,04	0,51	
8	Tự đánh giá của học sinh về năng lực công cụ môn Toán	3,53	0,85	< 0,001
	Đánh giá của giáo viên về năng lực công cụ môn Toán của học sinh	3,27	0,56	
9	Tự đánh giá của học sinh về năng lực công cụ môn Ngữ văn	3,56	0,81	< 0,001
	Đánh giá của giáo viên về năng lực công cụ môn Ngữ văn của học sinh	3,25	0,74	
10	Tự đánh giá của học sinh về năng lực công cụ Ngoại ngữ	3,47	0,89	< 0,001
	Đánh giá của giáo viên về năng lực công cụ Ngoại ngữ của học sinh	3,24	0,73	

Kết quả ở bảng 7 cho thấy, nếu nhìn chung toàn mẫu, học sinh THCS ở Tuyên Quang và Phú Thọ tự đánh giá năng lực học tập của bản thân chưa phù hợp. Các em có xu hướng đánh giá năng lực học tập bản thân cao hơn so với đánh giá của giáo viên, cụ thể là: các em tự đánh giá về năng lực của bản thân với ĐTB = 3,45; ĐLC = 0,66, trong khi đó, đánh giá của giáo viên về năng lực học tập của các em có ĐTB = 3,20; ĐLC = 0,57. Kiểm định cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,001$ ).

Khi xem xét theo các nhóm năng lực và môn học có thể nhận thấy, có sự chênh lệch đáng kể giữa tự đánh giá năng lực học tập của học sinh với đánh giá của giáo viên về năng lực quan hệ xã hội của các em ở cả 3 môn: Ngữ văn, Ngoại ngữ, Toán so với các nhóm năng lực khác (ĐTB tự đánh giá của học sinh và đánh giá của giáo viên ở 3 môn học lần lượt là 3,45; 3,01; 3,40 và 3,04; 3,38; 3,13). Điều này chứng tỏ rằng, học sinh có xu hướng tự đánh giá năng lực quan hệ xã hội trong học tập của mình cao hơn rất nhiều so với đánh giá của giáo viên về nhóm năng lực này ở các em. Tuy nhiên, kiểm định cho thấy sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ).

#### 4. Kết luận

Học sinh THCS ở Tuyên Quang và Phú Thọ tự đánh giá năng lực học tập ở mức độ trung bình. Các em tự đánh giá về nhóm năng lực công cụ của bản thân ở mức độ cao nhất, tự đánh giá về năng lực quan hệ xã hội ở mức độ thấp nhất. Tự đánh giá của các em chưa phù hợp với năng lực học tập thực tế của các em theo đánh giá của giáo viên. Vì vậy, gia đình và nhà trường cần có những tác động sư phạm để giúp các em tự đánh giá năng lực học tập của bản thân một cách phù hợp hơn.

#### Tài liệu tham khảo

1. Mai Văn Hưng (2013). *Bàn về năng lực chung và chuẩn bị đầu ra về năng lực của học sinh trung học phổ thông trong chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015*. Hội thảo “Một số vấn đề chung về xây dựng chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015”.
2. Đào Lan Hương (2000). *Nghiên cứu sự tự đánh giá thái độ học tập môn Toán của sinh viên Cao đẳng Sư phạm Hà Nội*. Luận án tiến sĩ Tâm lý học. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Đỗ Ngọc Khanh (2005). *Nghiên cứu sự tự đánh giá của học sinh trung học cơ sở ở Hà Nội*. Luận án tiến sĩ Tâm lý học. Viện Tâm lý học.
4. Hoàng Phê (chủ biên) (1992). *Từ điển Tiếng Việt*. Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ. Hà Nội.
5. Trịnh Lê Hồng Phương (2014). *Xác định hệ thống các năng lực học tập cơ bản trong dạy học Hóa học ở trường chuyên trung học phổ thông*. Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Số 59. Tr. 109 - 123.
6. Bandura A. (1995). *Self-efficacy in changing societies*. Cambridge University Press.
7. Franz S. (1979). *Untersuchungen zur Befähigung von Schülern 5., 7. und 9. Klassen, ihr Lern- und Kollektivverhalten selbst adäquat einzuschätzen* (Doctoral dissertation).
8. Harter S. (1982). *The perceived competence scale for children*. Child Development. 87 - 97.
9. Harter S. (1990). *Processes underlying adolescent self-concept formation*. Page publications. P. 205 - 239.
10. Muris P. (2001). *A brief questionnaire for measuring self-efficacy in youths*. Journal of Psychopathology and Behavioral Assessment. 23 (3). 145 - 149.
11. Weinert F.E. (2001). *Concept of competence: A conceptual clarification*.